

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 8 năm 2024
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH - TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Lê Phan Ngọc Anh

- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Phạm Tám

Ông Nguyễn Hồng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Vui - Thư ký viên

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:** Ông Lê Ngọc Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 124/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Võ Thị Diệu M- Sinh năm: 1997; trú tại: thôn X, xã V, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Trần Ngọc T - Sinh năm: 1993; trú tại: thôn X, xã Vạn H, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 22/4/2024, ngày 29/5/2024; Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 29/5/2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị Diệu Mtrình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Diệu Mvà ông Trần Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau năm 2017 và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22 quyền số do Ủy ban nhân dân xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 04/4/2018.

Từ khi chung sống đến nay, vợ chồng bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp; bất đồng quan điểm sống; không tôn trọng nhau; thường xuyên cãi vã về vấn đề sinh hoạt gia đình, nuôi dạy con cái. Từ tháng 10/2021 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng

không thể hòa giải được, tuy còn sống chung với nhau nhưng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm, chăm sóc cho ai. Nay bà M xác định không còn yêu thương ông T và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung Trần Minh Thành - sinh ngày 01/7/2018. Khi ly hôn bà Myêu cầu giao cho ông Trần Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi đủ 18 tuổi. Bà M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung của ai, không ai nợ chung của vợ chồng.

* Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 29/5/2024, bị đơn ông Trần Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Ngọc T và bà Võ Thị Diệu M tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 22 quyền số do Ủy ban nhân dân xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 04/4/2018 (giấy chứng nhận kết hôn bản chính đã thất lạc).

Từ khi chung sống đến nay, vợ chồng ông thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp; bất đồng quan điểm sống; không tôn trọng nhau; thường xuyên cãi vã về vấn đề sinh hoạt gia đình, nuôi dạy con cái. Từ tháng 03/2024 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể hòa giải được, vợ chồng không còn sống chung với nhau, bà M tự ý đưa con đi nơi khác làm ăn, sinh sống, từ đó mạnh ai nấy sống không ai quan tâm, chăm sóc cho ai. Tuy nhiên, ông T vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái, ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung Trần Minh Thành - 01/7/2018. Trường hợp ly hôn, ông T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông T không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung của ai, không ai nợ chung của vợ chồng.

* Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bà M, ông T đều không thống nhất về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Võ Thị Diệu Myêu cầu ly hôn với ông Trần Ngọc T ; hộ khẩu thường trú: Thôn Xuân Tây, xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Bị đơn, ông T đã được Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T .

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của bà Mi, ông T và các chứng cứ đã thu thập được thì việc kết hôn giữa bà Võ Thị Diệu Mvà ông Trần Ngọc T là tự nguyện, đăng ký kết hôn số 22 ngày 04/4/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, nên quan hệ hôn nhân giữa bà Mvà ông T là hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu ly hôn: Nguyên đơn bà Võ Thị Diệu Myêu cầu ly hôn với ông Trần Ngọc T ; bị đơn ông T không đồng ý ly hôn với bà Mi, yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ.

[4] Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng: Căn cứ vào lời khai của đương sự, bà Mvà ông T đều thống nhất xác định giữa vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp; bất đồng quan điểm sống; không tôn trọng nhau; thường xuyên cãi vã về vấn đề sinh hoạt gia đình, nuôi dạy con cái. Theo bà Mi, từ tháng 10/2021 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể hòa giải được, tuy còn sống chung với nhau nhưng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm, chăm sóc cho ai. Theo ông T , từ tháng 03/2024 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể hòa giải được, vợ chồng không còn sống chung với nhau, bà M tự ý bỏ đi nơi khác làm ăn, sinh sống, từ đó mạnh ai nấy sống không ai quan tâm, chăm sóc cho ai.

[5] Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải về quan hệ hôn nhân nhiều lần nhưng đến nay, tại phiên tòa, nguyên đơn bà M xác định không còn yêu thương ông T , kiên quyết yêu cầu ly hôn; ông T có lời khai mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng chăm sóc, nuôi dưỡng con cái chứ không thật sự mong muốn cùng bà M giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, xây dựng gia đình hạnh phúc; yêu cầu đoàn tụ của ông T nhằm thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của cha mẹ đối với con mà không dựa trên cơ sở tình nghĩa vợ chồng. Nên có cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông T đã trầm trọng, không thể hòa giải, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà M là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[6] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Trần Minh Thành - sinh ngày 01/7/2018. Xét thấy, bà M và ông T đều yêu cầu giao con chung cho cha là ông

Trần Ngọc T được trực tiếp nuôi con; ông T có đủ điều kiện, khả năng để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho đến khi thành niên nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con, Hội đồng xét xử cần giao cho ông Trần Ngọc T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Minh Thành cho đến khi đủ 18 tuổi, là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp đạo đức xã hội.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn bà M tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng); bị đơn ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với quy định về nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân gia đình, nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, mỗi tháng bà M cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng), cấp dưỡng liên tục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[8] Về tài sản chung: Bà Mi, ông T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về nợ chung: Bà Mi, ông T xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai, không ai nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Nguyên đơn bà Võ Thị Diệu M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Nguyên đơn bà Võ Thị Diệu M phải chịu án phí cấp dưỡng như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

[11] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Võ Thị Diệu M được ly hôn với ông Trần Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cho ông Trần Ngọc T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Minh T - sinh ngày 01/7/2018 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Bà Võ Thị Diệu M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), cấp dưỡng liên tục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bà Võ Thị Diệu M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết bà Mi, ông T có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Võ Thị Diệu M và ông Trần Ngọc T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Võ Thị Diệu M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà M được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006978 ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh; bà M còn phải nộp số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh ;
- Chi cục THA huyện Vạn Ninh;
- (Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân xã Vạn Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu vụ án;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phan Ngọc Anh

